

SỨC SỐNG CỦA SỬ THI

NCS. Phạm Ngọc Trâm

Sử thi được coi là một trong những thể loại trong hệ thống văn học dân gian - của dân gian. Sử thi được ra đời trong những điều kiện cụ thể, nó có nội dung riêng, có hệ thống thi pháp riêng và sức hấp dẫn "khiến nhân loại đời sau mãi mãi kinh ngạc". C.Mác đánh giá rất cao Sử thi Hi Lạp và coi đó là "sự hấp dẫn vĩnh viễn như một giai đoạn không bao giờ tái diễn nữa"(1).

Sử thi là nơi chứa đựng tổng hợp nhiều mặt tri thức của các dân tộc. Nó được coi là "bộ sách khoa thư đầy đủ nhất về thời cổ"(2), trong đó bao hàm một nội dung xã hội rộng lớn, phản ánh hiện thực đời sống, cũng như tư tưởng của nhân dân trên nhiều lĩnh vực (tổ chức xã hội, kinh tế, đời sống), trong đó có nhiều tài liệu quý giá về sử học, dân tộc học, địa lý, phong tục... Sử thi còn là bài ca hùng tráng, ca ngợi chiến công hiển hách, kỳ diệu của những người anh hùng lý tưởng được nhân dân đề cao và ngưỡng mộ.

Sử thi là một trong những thể loại tiêu biểu cho văn hoá dân gian của các dân tộc. Nhiều dân tộc trên thế giới có những thiên sử thi nổi tiếng. Các dân tộc có sử thi đều coi đó là niềm tự hào kiêu hãnh về sức mạnh, khí phách, sự phồn thịnh của dân tộc mình. Người Ấn Độ thường tự hào cho rằng: "Cái gì không có trên đất Ấn Độ thì không có trong Ramayana..."(3). Sử thi Ramayana được người dân Ấn Độ sùng bái ngưỡng mộ như một Thánh kinh. Họ nói rằng: "Chùng nào sông chưa cạn, đá chưa mòn, thì Ramayana còn làm say mê lòng người và cứu giúp họ ra khỏi vòng tội lỗi"(4). Trong thực tế, tầm cỡ độ dài và những vấn đề phản ánh trong Ramayana, Krixna-Radda đã khiến cho nhân loại thán phục và kinh ngạc. Người Phần Lan cũng cho rằng: "khi làm nên Sử thi Kalêvêla, nhân dân Phần Lan đã làm cho mình một con đường xuyên qua núi đá cheo leo, không những tiến đến Châu Âu mà cả thế giới văn minh. Kalêvêla sáng chói như sao Bắc Đẩu trên trời cao, kể cho nhân loại nghe về dân tộc Phần Lan" (M.J.Eisen- 1909)(5).

Sử thi là đối tượng nghiên cứu của nhiều nhà khoa học Nhân văn với tư cách là một loại hình nghệ thuật chuẩn mực, hoàn thiện, có sức hấp dẫn tuyệt đối thông qua nội dung phản ánh rộng lớn, ý nghĩa nhân văn sâu sắc và hình thức nghệ thuật độc đáo trong xây dựng hình tượng, kết cấu tác phẩm, ngôn ngữ có một không hai.

Nếu phân chia văn học dân gian theo tiến trình lịch sử thì Sử thi được coi như là một giai đoạn lịch sử, một mắt xích quan trọng trong tiến trình văn học dân gian. Đó là thời kỳ có sự đồng hoá thâm nhập lẫn nhau giữa các bộ lạc để trở thành liên minh bộ lạc - một tổ chức tiền quốc gia, trên cơ sở đó tiến lên thành quốc gia cổ đại. Theo GS. Đinh Gia Khánh thì “tương ứng với quá trình kết hợp các bộ lạc để trở thành liên minh bộ lạc là quá trình kết hợp các thần thoại của bộ lạc ấy để trở thành Sử thi cổ sơ (Épopée archaïque). Tương ứng với quá trình kết hợp các liên minh bộ lạc để trở thành quốc gia cổ đại là quá trình kết hợp thần thoại, các áng sử thi cổ sơ của các liên minh bộ lạc ấy để trở thành Sử thi cổ đại (Épopée antique). Ở thời kỳ này lịch sử đặt ra những vấn đề lớn lao, từ những phát kiến nguyên thủy của loài người, chiến tranh thời dân chủ quân sự chiến tranh thống nhất toàn tộc người. Trong đó tinh thần hoà hợp cộng đồng, không có mâu thuẫn đối kháng là sự kết tinh nổi bật, tạo nên âm hưởng hoành tráng, hùng vĩ cho các bản sử thi. Hay nói cách khác, xã hội tiền giai cấp là nền tảng ban đầu tạo nên giá trị đặc sắc cho nội dung và nghệ thuật sử thi.

Theo các nhà kinh điển và lý luận Xô-viết, điều kiện hình thành của sử thi gắn liền với trạng thái vĩ mô của thế giới và vũ trụ, trong đó có những sự kiện lớn lao ảnh hưởng đến toàn cộng đồng, có khi đến cả loài người. Trong sự chuyển biến lớn lao đó, nhân dân phải dựa vào cộng đồng và ngược lại. Hêghen gọi đó là “tình trạng anh hùng” mà Iliat-Ôđixê của Hômerơ là minh chứng vừa phong phú vừa đẹp đẽ cho mối quan hệ khăng khít bền vững giữa cuộc sống gia đình và cộng đồng quốc gia. Trạng thái trên của thế giới thường gắn liền với các xung đột chiến tranh giữa các dân tộc đối địch nhau trên cơ sở tính toàn nhân loại và tính lịch sử. Vì theo Hêghen “trong chiến tranh, chính là toàn bộ dân tộc đang vận động. Nó bị kích thích phải hành

động bởi vì nó phải bảo vệ toàn bộ mình"⁽¹⁾. Những cuộc chiến tranh triền miên thực tế được miêu tả trong Ramayana, Iliat hay trong các trường ca của Otxian của Tatxô, của Riôxtơ và của Camêênxơ với tinh thần dũng cảm vô song thực sự đã trở thành cảm hứng chủ đạo cho các bản sử thi cổ điển.

Thế giới của sử thi là thế giới của dân tộc anh hùng, là thế giới của những "khởi nguyên", là "đỉnh" của lịch sử dân tộc, thế giới của tổ tiên và những người "ưu tú" nhất. Chính vì vậy mà nguyên tắc trần thuật sử thi là nguyên tắc cung kính, điểm tựa của sử thi là điểm tựa cộng đồng chứ không phải là những kinh nghiệm cá nhân, nó đề ra nguyên tắc sáng tạo nghệ thuật sử thi là thống nhất nguyên khối một chiều, tạo ra những hình tượng trong suốt, không vênh lệch. Lời trong sử thi là lời tiên tri, là "lời sấm truyền", không chấp nhận sự đa nghĩa (khác với tiểu thuyết là lời tiên đoán, dự báo). Thái độ thành kính tôn vinh trước những vấn đề lớn lao của lịch sử làm cho cảm hứng chủ đạo của sử thi thiên về sự ngợi ca cái hùng, cái cao cả. Nếu phản ánh cái bi cũng là bi tráng.

Sử thi cổ đại (dùng để chỉ Iliat - Ôđixê) được coi như một thể loại đã "hoàn tất", "già nua" và một đi không trở lại. Tuy nhiên nói như vậy không có nghĩa là sử thi đã bị triệt tiêu hoàn toàn trong thời đại chúng ta. Khi thế giới quan của thể loại không còn nhưng một khi yếu tố cấu trúc được lặp lại thì sẽ tồn tại nội dung thể loại trong văn học hiện đại. Bactin cho rằng, sử thi là một thể loại rất cổ, đông cứng nhưng không chết, mà tất cả những nguyên tắc tư duy nghệ thuật của nó chìm sâu vào trong tầng vữa của văn học hiện đại. "Sự tan rã của hình thức sử thi khổng lồ (kiểu sử thi Hômerơ) không có nghĩa là kéo theo sự tan rã của phong cách sử thi. Những thể loại mới tiếp theo sử thi cổ điển sẽ giữ lại của nó những biện pháp khái quát hoá nghệ thuật (sự lý tưởng hoá khái quát, quan niệm tổng hợp về thế giới) để nâng cao phát triển trên cơ sở một thế giới quan mới, một phương pháp sáng tác mới của nhà văn"⁽²⁾. Trong thực tế, những cuốn tiểu thuyết Xô viết đầu tiên của Xêraphimôvích, Phuốcmanốp cũng như những tác phẩm về sau của Phadêép, A.Tônxtôi, Sôlôkhốp v.v... đều quay trở lại những đặc điểm của anh hùng ca cổ đại. Trong tiểu thuyết hiện thực xã hội

⁽¹⁾ Hêghen: *Mỹ học Hêghen*. NXB Văn học, 1999, tr. 594.

chủ nghĩa của Liên Xô (cũ) cũng như của Việt Nam đều có sự hồi sinh mạnh mẽ bản chất anh hùng ca của thể loại⁽²⁾. Hêghen gọi đó là kiểu sử thi của thời đại mới.

Văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1975, xét về điều kiện lịch sử, thế giới được đặt trong trạng thái sử thi đậm nét. Văn học cũng vì thế cũng có sự hồi sinh mạnh mẽ bản chất anh hùng ca của thể loại, tiếp thu truyền thống của văn học dân gian, tập trung thể hiện một loại hình nội dung cơ bản, đó là trạng thái sử thi của thế giới. Văn học thời kỳ này đã sử dụng những nguyên tắc nghệ thuật của sử thi, tạo ra những hình tượng cao đẹp về dân tộc, về nhân dân, về tổ quốc, về mọi tầng lớp thế hệ con người Việt Nam vùng dậy “đi tới ánh sáng và tự do” (Hoài Thanh - *Tạp chí Tiên phong*, 1945). Văn học thời kỳ này đã phục vụ cho những mục tiêu cao cả của Cách mạng, phục vụ cuộc kháng chiến sống còn của dân tộc. Trải qua hai cuộc kháng chiến cứu quốc vĩ đại chống Pháp và chống Mỹ, văn học đã cổ vũ chiến đấu, ngợi ca chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đề cao ý thức cộng đồng, lý tưởng cao đẹp của thời đại. “Chưa có một thời đại nào mà tình cảm dân tộc, ý thức cộng đồng, tình yêu quê hương đất nước, tình nghĩa đồng bào, đồng chí lại được thấm nhuần sâu rộng như trong văn học giai đoạn 45 - 75”⁽³⁾.

Như vậy, về mặt lý luận, chúng ta không nên cứng nhắc khi cho rằng “thể loại sử thi đã một đi không trở lại. Chỉ một đi không trở lại với các hình thức sử thi cổ xưa mang ý thức thần thoại gắn liền với giai đoạn phát triển ấu thơ của loài người (...). Trong các thời đại sau, với điều kiện của các giai đoạn phát triển của cách mạng khác của xã hội, nội dung thể loại lịch sử dân tộc lại được tái sinh trong những hình thức và bình diện mới”⁽⁴⁾. Như vậy, với những giá trị thẩm mỹ lấp lánh của nó, sử thi không lùi vào quá khứ, đoạn tuyệt với hiện tại mà bất cứ khi nào văn học hướng tới phản ánh, miêu tả “các sự kiện quan trọng

(2) Phan Cự Đệ: *Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại*. NXB Đại học và THCN, H, 1975, T2, tr 30

(3) Nguyễn Văn Long: *50 năm văn học sau Cách mạng tháng Tám*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.20

(4) Phương Lưu, Trần Đình Sử, Nguyễn Xuân Nam...: *Lý luận văn học* (3 tập). NXB Giáo dục, 1985.

có ý nghĩa quyết định đối với đời sống tinh thần và vận mệnh của dân tộc và nhân dân (...), thể hiện tinh thần, trí tuệ bộ tộc và thời đại lịch sử” đều mang đậm tính chất sử thi. Chất sử thi trong văn học mới cũng không chỉ chỉ ẩn tượng qua “qui mô sử thi” của các sự kiện mà nó được bộc lộ, biểu hiện dưới nhiều dáng vẻ, đặc biệt là cảm hứng “sử thi hoá” khi nhà văn nhìn nhận, đánh giá các hình tượng được miêu tả.

Ngày nay, trong xã hội hiện đại, cuộc sống thay đổi với một nhịp độ chóng mặt, đặc biệt là sự phát triển ồ ạt của cuộc cách mạng tin học, sử thi vẫn tồn tại và có sức sống lâu bền trong các tầng vĩa của cuộc sống, của văn học hiện đại. Sức hấp dẫn của sử thi chính nhờ những giá trị nhân văn sâu sắc trong quan hệ giữa con người đối với con người, con người đối với cuộc sống và thời đại; trong những quan niệm về cái tốt - cái xấu, cái thiện - cái ác, cái cao cả - cái thấp hèn hiện hữu trong cuộc sống thường nhật. Và một khi điều kiện sử thi được lặp lại, thế giới được đặt trong trạng thái sử thi thì những nguyên tắc nghệ thuật sử thi sẽ có điều kiện trỗi dậy, làm sống lại ký ức tiềm tàng của thể loại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phan Cự Đệ: *Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại*. NXB Đại học và THCN, Hà Nội 1975.
- Phan Đăng Nhật: *Vùng sử thi Tây Nguyên*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội 1999.
- Tập thể tác giả: *Sử thi Tây Nguyên*. NXB Khoa học Xã hội 1998.
- Nguyễn Văn Long: *50 năm văn học sau Cách mạng tháng Tám*. NXB Đại học Quốc gia 1996.
- Hêghen: *Mỹ học Hêghen*. NXB Văn học 1999.
- M.Bakhtin: *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết* (Phạm Vĩnh Cư tuyển chọn và dịch từ nguyên bản tiếng Nga). Trường Viết văn Nguyễn Du xuất bản 1992.